

XBP

VV

21



**HỮNG CHẶNG ĐƯỜNG
ĐÁU TRANH CÁCH MẠNG
CỦA
CÔNG NHÂN CAO SU
ĐỒNG NAI**



CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI XUẤT BẢN 1985

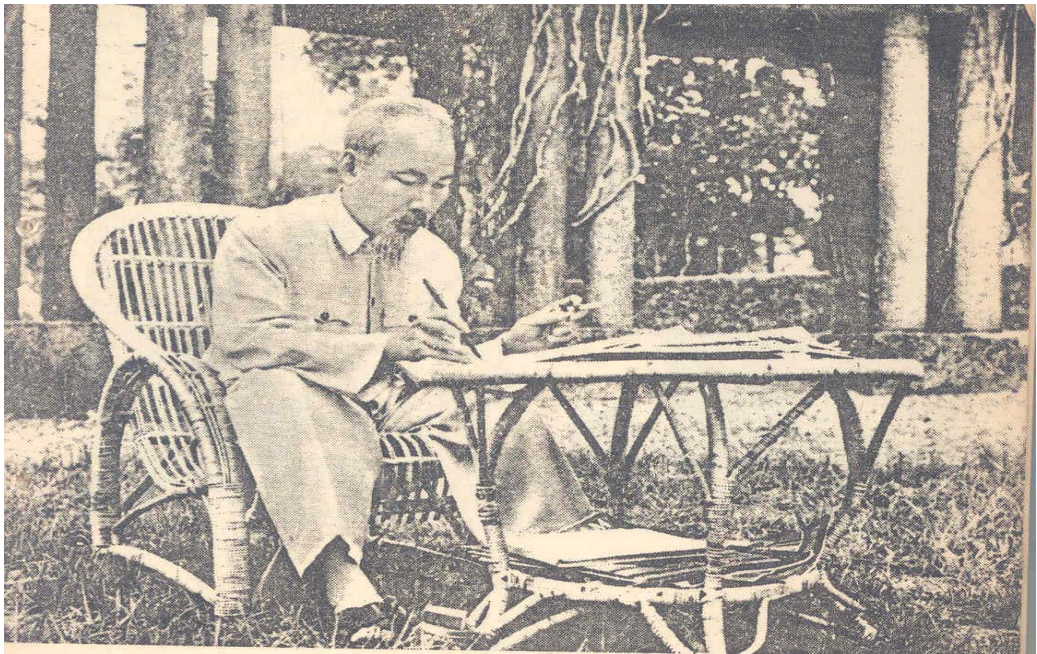
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN CAO SU ĐỒNG NAI

**CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI XUẤT BẢN
- 1985 -**

Chỉ đạo nội dung: Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty Cao Su Đồng Nai

Chủ biên: NGUYỄN VIỆT TRÂN
PHẠM SƠN TÙNG

Biên soạn: LÊ VĂN KHẢI
TRẦN TOẢN
TRẦN VĂN THỊNH
NGÔ VĂN NHÃ
NGUYỄN TẤN TỰ



“...Trong cuộc kháng chiến và kiến quốc, trong sự nghiệp xây dựng nền dân chủ mới, giai cấp công nhân phải là người lãnh đạo. Vì vậy mọi nam nữ công nhân phải cố gắng học hỏi, tiến bộ, phải cố gắng xung phong làm kiểu mẫu trong mọi công việc để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của giai cấp mình...”



“...Phải xây dựng và giữ gìn truyền thống của công nhân cao su, làm sao thế hệ các đồng chí hôm nay và lớp con cháu ngày mai ai ai cũng có cuộc sống bảo đảm có đủ trình độ, đủ ý chí kế tục sự nghiệp vẻ vang của giai cấp công nhân trong ngành cao su Việt Nam...”

LÊ DUẤN

(Trích bài phát biểu tại Đại hội Đảng bộ Công ty Cao su Đồng Nai lần thứ 11 ngày 01/12/1982)

LỜI GIỚI THIỆU

Hơn nữa thế kỷ đấu tranh dũng cảm, kiên cường, bền bỉ chống thực dân Pháp, phát xít Nhật và đế quốc Mỹ xâm lược, công nhân cao su Đồng Nai dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam quang vinh luôn luôn đứng hàng đầu ở mũi nhọn của các cuộc đấu tranh cách mạng, liên tục tấn công nhằm thẳng vào kẻ thù giai cấp và dân tộc mà chiến đấu cùng với giai cấp công nhân và nhân dân cả nước viết nên những trang vẻ vang nhất trong lịch chống ngoại xâm của dân tộc.

Qua những chặng đường đấu tranh anh dũng, ngoan cường đầy gian khổ hy sinh, đội ngũ công nhân cao su Đồng Nai ngày một trưởng thành và lớn mạnh, luôn xứng đáng là lực lượng tiên phong, là đội quân chủ lực của cách mạng ở chiến trường “miền Đông gian lao mà anh dũng”

Là một bộ phận của giai cấp công nhân Việt Nam, của công nhân cao su miền Đông Nam bộ, công nhân cao su Đồng Nai sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại xâm, sống quần quai rên xiết dưới 3 tầng áp bức bóc lột của thực dân, tư sản và địa chủ phong kiến. Hơn ai hết họ là những người rất chí cốt cách mạng, một lòng một dạ sắt son với Đảng. Từ ngày có Đảng, công nhân cao su đi theo Đảng làm cách mạng đến cùng để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

Những trang sử đấu tranh vẻ vang của công nhân cao su Đồng Nai là xương máu, là sự gian khổ hy sinh của biết bao cán bộ; đảng viên và công nhân xây dựng vun đắp nên. Đó là tài sản vô cùng quý báu.

Bác Hồ nói : “Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

Lê Nin, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân thế giới cũng đã từng chỉ rõ : “Đối với người công nhân giác ngộ, không có nhiệm vụ nào quan trọng hơn nhiệm vụ hiểu biết phong trào của chính giai cấp mình, hiểu biết bản chất, mục đích, nhiệm vụ, điều kiện và những hình thức hoạt động thực tiễn của phong trào đó”.

Ghi lại truyền thống và rút ra những bài học kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng là trách nhiệm của đảng bộ và cán bộ công nhân viên chức trong toàn Công ty, nhằm nâng cao lòng tin tưởng, tự hào cho cán bộ, đảng viên và công nhân, đồng thời giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ tiếp theo.

Thực hiện chỉ thị số 09 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai, đảng bộ Công ty cao su Đồng Nai với sự giúp đỡ của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh ủy Đồng Nai, của các cơ quan và cán bộ nghiên cứu ở Trung ương, địa phương và sự đóng góp nhiều ý kiến, tư liệu quý báu của đông đảo cán bộ, đảng viên và công nhân đã giúp cho việc hoàn hành tập:

“Những chặng đường đấu tranh cách mạng của công nhân cao su Đồng Nai”

Quá trình đấu tranh cách mạng của công nhân cao su Đồng Nai vô cùng gian khổ, ác liệt nhưng rất anh dũng và quang vinh. Việc làm sống lại quá trình lịch sử đó là một việc đòi hỏi

nhiều thời gian và nhiều công phu của tập thể. Cho nên chắc chắn việc biên soạn chưa phản ánh đầy đủ những sự kiện lịch sử diễn ra và còn nhiều thiếu sót.

Để tiếp tục bổ sung chỉnh lý, chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các Đồng chí và bạn đọc.

Nhân dịp này, thay mặt Ban Thường vụ Đảng ủy và Ban Giám đốc Công ty cao su Đồng Nai, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan, các đồng chí và đồng bào đã đóng góp công sức của mình trong việc sưu tầm, biên soạn tập sơ thảo lịch sử truyền thống này.

An Lộc, ngày 2 tháng 6 năm 1985

BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI



TỶ LỆ 1/500.000

**BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH
2 TỈNH BIÊN HÒA
BÀ RI
TRƯỚC 8/1945**

● TRUNG
 ○ CAO SU ĐƠN Đ
 ● TRUNG TÂM C.T ĐOÀN
 ○ SU PHÁP TRU
 - - - ĐƯỜNG GIỚI THO

CHƯƠNG I

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

ĐỘI NGŨ CÔNG NHÂN CAO SU ĐỒNG NAI

Năm 1858, chiến thuyền của thực dân Pháp nhắm vào cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cho cuộc xâm lược Việt Nam. Ngày 17-12-1861 Biên Hòa thất thủ⁽¹⁾. Đến năm 1884 bọn vua quan phong kiến nhà Nguyễn ký hàng ước Pa-tơ-nốt, Việt Nam trở thành một nước thuộc địa và nửa phong kiến.

Cùng với sự xâm lược và quá trình khai thác thuộc địa, vơ vét, bóc lột nhân tài, vật lực của thực dân tư bản Pháp ở nước ta, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời. Đến những năm đầu thế kỷ 20 đội ngũ công nhân cao su Việt Nam bắt đầu hình thành.

* *

*

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH

VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ

CÔNG NHÂN CAO SU

Đầu thế kỷ 20, Sau khi trồng thành công cây cao su ở đồn điền Ben Lãng (Phú Nhuận - Sài Gòn) được 45ha, bọn tư bản Pháp bắt đầu trồng thêm ở các nơi khác.

Tại Biên Hòa, cây cao su được trồng đầu tiên vào năm 1906, ở đồn điền Suy-da-na (Dầu Giây)⁽²⁾.

Trong thời gian đó (tháng 2-1906) 40 nông dân xã Trí Bưu, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị là những người đầu tiên đến làm công nhân cao su ở sở Dầu Giây và tháng 7 năm ấy bắt đầu trồng cao su.

Đến những năm trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), số lượng công nhân cao su thuộc các đồn điền tư bản Pháp ở Đồng Nai (Biên Hòa và Bà Rịa) có khoảng gần 2.000 người

Lúc này trên đất Đồng Nai cũng đã hình thành nhiều Công ty, đồn điền.

- Công ty những đồn điền Đất Đỏ (Société des plantations- des Tenes Bouges, viết tắt là SPTR) thành lập năm 1910, trung tâm đặt lại Quảng Lợi. Công ty này có 2 đồn điền ở Đồng Nai

⁽¹⁾ Lãnh thổ Biên Hòa lúc bấy giờ bao gồm các tỉnh Biên Hòa, một phần tỉnh Gia định, Bình Dương, Bình Long, Phước Long, Long Khánh, Bình Tuy, Phước Tuy, Vũng Tàu. Theo địa phương chí tỉnh Biên Hòa

⁽²⁾ Hiện nay có 8 ha ở lô thuộc nông trường Dầu Giây.

là đồn điền Long Thành (gồm Bình Sơn và An Viễn) thuộc huyện Long Thành và đồn điền Cuộc-tơ-nay (Cầm Mỹ) thuộc huyện Xuân Lộc.

- Công ty đồn điền cao su Xuân Lộc (Société des plantations d' Héveas Xuân Lộc, viết tắt SPH. XL) thành lập năm 1911. Công ty này chỉ có 1 đồn điền ở Hàng Gòn (Xuân Lộc). - Công ty Cao su Đồng Nai (Les Caoutchoucs du DoNai viết tắt LCD) thành lập năm 1908 có đồn điền cao su : đồn điền Trảng Bom, đồn điền Cây Gáo (thuộc huyện Thống Nhất bây giờ) và đồn điền Túc Trưng (thuộc huyện Tân Phú bây giờ).

Từ năm 1920 trở đi, bọn tư bản Pháp đua nhau bỏ vốn đầu tư ồ ạt vào việc lập các đồn điền cao su. Cho đến những năm trước chiến tranh thế giới lần thứ hai đã hình thành 2 tập đoàn cao su lớn : Tập đoàn Ri vô ⁽³⁾ và tập đoàn các Công ty

năm 1935; Công ty đồn điền cao su Đông Dương (Société indo chinoise des plantations d' Hévéas viết tắt là S. I. P. H) được thành lập do hợp nhất các Công ty nhỏ lại với nhau.

Trụ sở của Công ty đặt ở tại Suối Tre (thuộc huyện Xuân Lộc).

Ở Đồng Nai Công ty SIPH Có 6 đồn điền:

Đồn điền SIPH (còn gọi là sở Bà Đầm) thuộc huyện Long Thành.

- Đồn điền Bình Ba (còn gọi là đồn điền Gallia) thuộc huyện Châu Thành

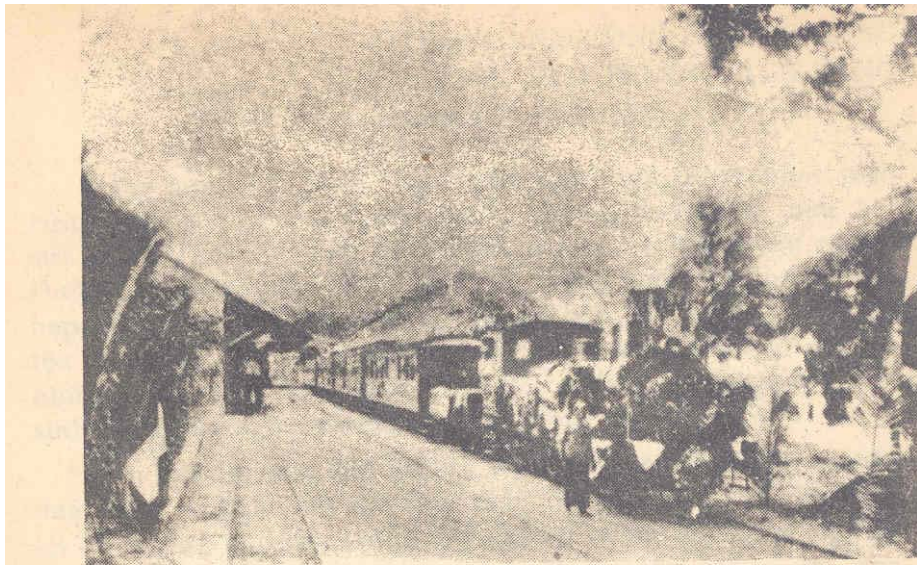
- Đồn điền Dầu Giây, An Lộc, Bình Lộc, Ông Quế thuộc huyện Xuân Lộc

Theo số liệu thống kê của các Công ty tư bản Pháp, diện tích trồng cao su ở các đồn điền trong tỉnh Biên Hòa - Bà Rịa là : 1906 có 8,28 ha ; 1930 có 5,360ha, 1935 có 8.388ha ; 1940 có 11.177ha ; 1945 có 12.869ha.

Số lượng công nhân cao su ở Biên Hòa - Bà Rịa có vào năm 1930 khoảng trên 15.000 người. Từ năm 1940 - 1945, do tình hình chiến tranh, tư bản Pháp hạn chế mở rộng đồn điền, hơn nữa nhiều diện tích cây trồng đã chuyển sang khai thác nên số lượng công nhân còn khoảng 8.000 người. Tỷ lệ nữ công nhân chiếm 10% trong tổng số công nhân.

Như vậy, so với thời kỳ 1925 - 1930, số lượng công nhân cao su vào thời kỳ 1940 - 1945 có giảm xuống. Nhưng cơ cấu giữa các bộ phận tạo thành đội ngũ công nhân cao su đã có những biến đổi lớn, vì hoạt động của các đồn điền cao su vào khoảng năm 1935 trở đi không chỉ khai hoang trồng cây như trước nữa mà đã đưa vào khai thác thu hoạch mủ với diện tích ngày càng lớn. Tỷ lệ công nhân cạo mủ ngày càng tăng trong tổng số công nhân. Đi theo vấn đề khai thác là việc sơ chế cao su tại chỗ, do đó yêu cầu phải có một số lượng công nhân cơ khí, hóa chất, vận tải v.v... Bộ phận công nhân ở nhà máy chế biến và các ngành kỹ thuật hỗ trợ khác được hình thành, về sau quy mô khai thác càng lớn thì bộ phận công nhân có trình độ kỹ thuật và công nhân cạo mủ lành nghề càng tăng.

⁽³⁾ Ri vô là người đầu tiên thành lập công ty Đất Đỏ.



Chuyến xe lửa đầu tiên của thực dân Pháp đến Biên Hoà phục vụ cho mục đích xâm lược và khai thác thuộc địa

ANNAM CARTE SPÉCIALE D'OUVRIER CONTRACTUEL

Province: Quảng Bình No O. A. 2117

Nom et Prénoms: Nguyễn Văn Chấn

Né en 1904 à Chợ Lớn

Carton de Huỳnh Công Phi ou Huyen de Việt Nam

Province de Quảng Bình

Ville de Nguyễn Học et de Nguyễn Học

Empreintes digitales de la Main droite

<u>Police</u>	<u>Index</u>	<u>Mitt.</u>	<u>Annulaire</u>	<u>Annulaire</u>
---------------	--------------	--------------	------------------	------------------

Thẻ công tra – một hình thức trói buộc người công nhân vào kiếp làm thuê cho thực dân Pháp

Ngày xưa, đất Biên Hòa - Bà Rịa chưa được khai phá, rừng rậm bao phủ dày đặc, âm u, hoang lạnh. Khí hậu hết sức độc hại, ác thú rắn độc, muỗi, mòng, ve vắt nhiều vô kể. Đường sá giao thông đi lại mới xây dựng được vài con lộ nhỏ hẹp, gập ghềnh. Cư dân vùng đất đỏ hầu hết là Đồng bào dân tộc ít người. Họ sống rải rác, bên cạnh khe suối. Đó đây có những buôn sóc của người Châu Ro, những xóm người Chăm sinh sống với nghề nương rẫy và trồng lúa nước.

Đến những năm đầu thế kỷ 20, những tên thực dân tư bản đua nhau đi khảo sát đất đai, thấy đất đỏ màu mỡ, khí hậu lại thích hợp cho việc trồng cây cao su và các cây công nghiệp khác, chúng đã dựa vào bọn quan thực dân thống trị, xua đuổi nhân dân sinh sống trong vùng, cướp đoạt đất đai, thuê nhân công phá rừng khai khẩn lập đồn điền.

* *

*

Ở vùng Xuân Lộc, quá trình chiếm đất mở rộng đồn điền bọn thực dân tư bản còn kết hợp chặt chẽ với 4 tên địa chủ hết sức gian ác đó là Đỗ Cao Lụa (Huyện hàm), Xã Hữu, Tổng Lạc, Tổng Thuần. Thông qua 4 tên này mà đuổi đồng bào dân tộc ít người để chiếm đất và bắt phu. Cư dân ở đây số lượng ít, không đáp ứng được nhu cầu về nhân công, vì vậy thực dân Pháp phải mộ phu từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung đến khai phá rừng già, trồng cao su

Hầu hết những người vào làm công nhân cao su là nông dân nghèo khổ, vì sưu cao thuế nặng, vì nạn cường hào ác bá. Họ làm việc quần quật suốt ngày đêm “một nắng hai sương” mà vẫn không đủ ăn. Thêm vào đó nạn vỡ đê xảy ra hàng năm. Năm nào cũng có đê vỡ lẻ tẻ, vài năm xảy ra vỡ đê to một lần. Thế mà thái độ của bọn cầm quyền hết sức thờ ơ trong việc khắc phục những hậu quả thiên tai. Đời sống người nông dân đã khổ lại càng khổ thêm và trở thành những người cùng kiệt, xác xơ không có mảnh đất cắm dùi, lâm vào cảnh bần cùng, buộc phải từ bỏ xóm làng, quê hương thân yêu ra đi tha phương cầu thực.

Trong cảnh khốn cùng đó, họ phải đem thân vào những đồn điền cao su ở Nam Kỳ, thông qua việc tuyển mộ của những tên “buôn người” được chủ đồn điền thuê mướn.

Bọn cai cứ mộ được một phu thì chủ đồn điền thưởng 5 đồng (bằng số tiền chủ đồn điền cho người phu ứng trước ban đầu). Vào năm 1927, hoa hồng mộ phu lên tới 10 - 12 đồng. Làm nghề mộ phu là một nghề béo bở, cho nên chúng không cần biết đến cuộc sống người công nhân ra sao khi vào đồn điền. Chúng cũng không cần biết bọn chủ đồn điền đối xử với những người công nhân mà chúng đã tuyển chọn đó như thế nào? Bọn buôn người giờ đủ mọi thủ đoạn gian manh, miễn sao có đủ nhân công cung cấp theo yêu cầu của chủ đồn điền và thu nhiều tiền là được.

Hàng năm, vào khoảng tháng 3 là thời gian mà đa số nông dân ta vô cùng đói khổ, thiếu thốn, nhất là vào những năm mất mùa vì hạn hán bão lụt. Đó là lúc bọn cai mộ tảo vè các tỉnh dân cư đông đúc, đi sâu vào các làng quê tìm kiếm những cố nông nghèo khổ cùng đinh, những

người mà thực dân và phong kiến đẩy họ vào bước đường cùng. Bọn cai mộ đã phỉnh gạt dụ dỗ họ đi phu. Bọn chúng không ngớt ca ngợi về những đồn điền cao su, nào là : “Vào Nam kỳ làm cao su sống rất sung sướng, cứ 7 ngày cấp phát lương thực 1 lần, 15 ngày được phát lương 1 lần, lại có cá khô, thịt tươi, nước mắm. Chủ sẽ làm nhà cửa cho các cu ly ở tử tế, cu ly ốm đau thì có thuốc thang, mỗi ngày chỉ làm 10 giờ thôi. Khí hậu sở cao su rất tốt với những vườn cây xanh mát trồng ngay hàng thẳng lối. Ở đây khổ, vào đó rất sướng, có dư tiền gửi về quê, có nhiều người vào trong đó rồi không muốn về nữa (4)

Chúng còn trưng bày nhiều hình ảnh sinh hoạt ở các đồn điền với những căn nhà cho công nhân ở, hình ảnh những công nhân đang cạo mũ khoẻ mạnh, áo quần lành lặn, gọn gàng, nào là ảnh những nhà thờ, đình chùa để công nhân lễ bái .v.v....

Cứ thế hàng ngày, từ tỉnh này qua tỉnh nọ, từ làng này qua làng khác, đến đâu bọn cai mộ cũng luôn mồm uốn lưỡi ca ngợi không ngại miệng về cái “Thiên đàng hạ giới” cao su. Ngoài ra, bọn chủ đồn điền còn dựa vào một số cổ đạo, lợi dụng thần quyền và sự mê tín của người dân để mê hoặc. Người nông dân nghèo chất phác miền Bắc, miền Trung chỉ mong sao ở nơi nào có cuộc sống cơ cực hơn so với cuộc sống quá kiệt quệ ở quê nhà. Do đó, từng đợt người liên tiếp vào Nam đi phu.

Thực tế có đúng như bọn mộ phu đã rao truyền không? Đây là bức thư của một công nhân đăng trên báo Echo Annamite ngày 19-9-1928 :

... Họ phát trước cho chúng tôi mỗi người 5 đồng, chúng tôi lên xe ngồi, xe chạy thì họ trở mặt ngay, động một tí là họ chửi, họ đánh, gần đến Phan Thiết thì 2 cu ly đánh liều nhảy xuống, không biết sống chết ra sao. Đến nơi chúng tôi còn nhiều điều thất vọng nữa.

Tiền công mỗi ngày chỉ trả 0,30đ thay vì 0,50đ như họ đã nói, động một tí thì phạt lương, gạo chỉ phát vừa đủ ăn, nước, mắm thì hôi thối không ăn được, cá khô và thịt thì đừng mong đến mà rầy..."

Ký giao kèo (Contrat) đi phu thời hạn thường là 3 năm hết hạn. Nội dung ký giao kèo có nhiều điều khoản như : Công nhân có quyền về xứ, đi nơi khác làm hoặc tiếp tục ký lại công tra v.v...Có những điều chúng chỉ hứa hẹn mà không đưa vào giao kèo, người nào không biết ký tên thì lăn tay vào tờ giao kèo

Trong thời gian giao kèo, người công nhân không được tự do đi lao động cho chủ khác, không được thôi việc khi chưa hết hạn giao kèo dù có lý do chính đáng... Tóm lại, trong thời gian giao kèo, người phu đã bán mình cho chủ đồn điền có thời hạn. Nói có thời hạn nhưng đa số dân công tra ít người về được quê hương

Việc mộ phu vào các đồn điền cao su. đối với những công nhân công tra lâu năm còn sống hiện nay vẫn còn ấn tượng kinh hoàng. Vì vậy, trên báo chí công khai thời ấy, người ta phần nộ dùng đến danh từ “bọn buôn nô lệ da vàng” để chỉ bọn mộ phu này. Nhà báo Pháp Lu-I Ru Bô thì viết : “Dù danh từ này chẳng làm cho người ta bằng lòng, nhưng người ta cũng vẫn phải viết : người công nhân An Nam đã ký một hợp đồng nô lệ trong vòng 3 năm”

(4) Báo Tư sản “Echo Annamite” ngày 19-9-1928

Đơ-mông-si-pa đã viết về tình hình mộ phu : Đó là sự tái bản trong thế kỷ 20 này của cái chợ buôn nô lệ”. (°)

Việc mộ phu lúc đầu chỉ tuyển mộ đàn ông độc thân khỏe mạnh, tuổi từ 18 đến 25. Sau chiến tranh thế giới thứ I là thời kỳ chúng chiếm nhiều đất ở Nam Kỳ để lập đồn điền trồng các loại cây công nghiệp, nhất là cao su. Việc khai phá rừng, trồng cây, chăm sóc, thu hoạch mủ... đòi hỏi phải dùng nhiều nhân công, cho nên ngoài việc mộ phu gọi là phu “giao kèo tình nguyện”. (Contrat Volontaire) làm việc có thời hạn luân phiên là 3 năm, chúng còn mở rộng việc mộ phu “giao kèo tự do” (Contrat Libre) những người phu công tra líp này tự tìm đến đồn điền trực tiếp ký giao kèo với chủ không thông qua bọn cai mộ phu và hoàn toàn tự túc phí tổn đi về, quyền lợi đối với “dàn líp” có phần nào đỡ hơn so với (dân công tra). Ngoài việc tuyển mộ đàn ông độc thân, chúng còn mộ cả đàn bà độc thân. Thời kỳ này tuy có được “tự do” bán sức lao động nhưng điều kiện sinh hoạt của người công nhân cao su cũng còn rất khắc nghiệt, không được cải thiện là bao, cho nên dân công tra lập nghiệp ở đồn điền không nhiều, họ luôn áp ứ ngày hết hạn chuộc công trả về xứ.

Trong thời kỳ đồn điền còn khai hoang trồng mới thì, tình trạng không ổn định lao động vẫn còn phù hợp và có lợi cho chủ tư bản. Nhưng trong thời kỳ khai thác thu hoạch và chế biến mủ thì sẽ bất lợi cho chủ sở. Do đó vấn đề cấp thiết đặt ra đối với chủ đồn điền là ổn định lực lượng lao động, nhất là đội ngũ công nhân thạo chuyên môn và kỹ thuật. Cho nên chúng chuyển mộ phu nam nữ độc thân sang mộ cả gia đình. Giao kèo không nhất thiết 3 năm mà ai đăng ký thêm còn được thưởng, ở lại suốt đời càng tốt. Việc ổn định này còn nhằm giải quyết hạn khó khăn về nguồn lao động tại chỗ cho bọn chúng. Để phục vụ cho yêu cầu ổn định lao động, chúng còn cố tạo ra những điều kiện cần thiết để định cư được công nhân như quy hoạch xây dựng lại chỗ ở cho công nhân, giảm thời gian lao động và giải quyết một số quyền lợi khác v.v...

* *

*

Các đồn điền cao su của tư bản Pháp là đất thuộc quyền chiếm hữu trực tiếp của bọn chủ đồn điền. Mỗi đồn điền là “vương quốc” riêng của chúng được Thống đốc Nam kỳ coi như là nhượng địa.

Ở đồn điền, bọn chủ xếp người Pháp là lãnh chúa. Nơi đây không có luật lệ nào cả mà chỉ có cúp phạt đánh đập, giam cầm, hăm hiếp công nhân, thậm chí cả quyền được đánh chết người.

Để quản lý không cho “dân phu” bỏ trốn, trong đồn điền đã lập ra một loại thẻ riêng biệt đối với công nhân cao su, thay thế tên người bằng số. Ngay từ khi bước chân vào đồn điền công nhân phải gọi nhau bằng số.

Chúng còn thiết lập bộ máy quản lý và cai trị gồm chủ, xếp, xu cai, ký. Ngoài ra còn có lính tuần tra gọi là Gạc- sàm-bết.

(°) Báo Tư sản “L'Avolonté Indochinoise” số ra ngày 10-8-1927

Chúng đã chia những người làm việc ở đồn điền là 4 hạng : - Hạng chủ xếp : loại này hoàn toàn người Pháp, bọn này chính là những hung thần nắm trọn quyền sinh sát trong tay. - Hạng thầy : loại này gồm xu, xếp, ký, cai chiếm khoảng 10% trong tổng số công nhân đồn điền. Những người này được chủ Tây ưu đãi hơn, (đặc biệt là xu, xếp, ký). Họ là những người thay mặt chủ xếp, trực tiếp điều khiển công nhân. Những người này cũng phải bán sức lao động kiếm tiền lương. Dù rằng mỗi ngày họ gần gũi với công nhân nhưng việc làm và sinh hoạt của họ rất cách biệt. Họ là tầng lớp trên của đồn điền được công nhân gán cho là hạng “khắc ra lửa, mưa ra tiền”. Thông qua bộ máy xu, ký, cai này mà bọn chủ tư bản kiểm soát và bóc lột công nhân. Sử dụng hạng thầy này những nhà tư bản Pháp đã làm cho người công nhân khó thấy được những thủ đoạn bóc lột tàn bạo của chúng. người công nhân khi chưa được giác ngộ cách mạng, thường dễ nhận thấy đối tượng căm ghét chính của mình là loại này hơn là chủ xếp Tây. Cho nên, có khi công nhân nói : “Thằng Tây không ác bằng người Việt”.

- Hạng thợ : gồm thợ mộc, rèn, hồ, điện, cơ khí, tài xế... lương thợ thấp hơn thầy nhưng khá hơn “dân phu”, chiếm độ 5% tổng số công nhân.

- Hạng phu : gồm có phu cạo mủ, phu linh tinh, phu thời vụ, phu làm thường xuyên. Số này chiếm khoảng. 85% tổng số công nhân trong sở. Công nhân cạo mủ chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong quá trình vườn cây đưa vào khai thác ngày càng nhiều.

Trong đồn điền, công nhân cạo mủ chiếm vai trò trọng yếu nhất trong việc sản xuất cao su. Chính họ là những người khơi mạch cho dòng nhựa trắng chảy ra, nhưng họ lại là những người bị bạc đãi, bị bóc lột, đánh đập tàn tệ nhất. Công nhân cao su là những người cùng khổ đã bước vào thế cùng, nhưng những người cạo mủ lại là những người khổ nhất trong những người cùng khổ

Rời quê hương thân yêu, bước chân vào đồn điền, nhìn cảnh tượng u buồn thê lương mà lòng “người phu” cảm thấy não lòng, ghen ngào tuôn trào nước mắt. Lao động hết sức nặng nhọc để khai phá rừng già, làm việc không giờ giấc, không có ngày chủ nhật

Theo nghị định ngày 25-10-1927 của toàn quyền Đông Dương, nhân công giao kèo mỗi người làm việc nhiều nhất 10 tiếng đồng hồ, kể cả đi và về... Nhưng, làm gì có chuyện bọn chủ đồn điền thương đến thân phận người phu mà làm đúng như vậy. Viên thanh tra các vấn đề chính trị Đờ-la-ma có viết : “Tuy nhiên tất cả những lời khai của những người phu mà tôi thu thập được đều nhất là rằng, giờ lao động là như sau: 3 giờ sáng thức dậy, 4 giờ tập họp, nhưng vì có hàng ngàn phu phải đến nên chắc chắn giờ khởi hành không thể trước 4 giờ30, giữa ngày được nghỉ một giờ rưỡi, nhưng tất cả những người phu đều đoán chắc rằng chỉ đến tối mịt thì họ mới được trở về nhà” (6):

Như vậy, tính ra mỗi ngày người công nhân phải làm từ 13 giờ đến 14 giờ đồng hồ. Bắt đầu 1 ngày làm việc khi trời còn tối, công nhân đã phải ra lô, con họ chưa thức dậy. Đến tối khi về nhà thì con đã ngủ rồi. Cho nên, ở các đồn điền người công nhân thường nói :

“Con không biết mặt cha

Chó không biết mặt chủ nhà”

(6) “Báo Phục sinh” (Laresurecton) xuất bản ở Pháp số tháng 02-1928

Vào những năm khai phá rừng già để trồng cao su, với công cụ hết sức thô sơ lại cùn lụt, và do chưa có kinh nghiệm chặt hạ cây nên rất nhiều người bị cây đè chết. Ở Láng Lớn (sở cuộc-tơ-nay) vào những năm đầu phá rừng trồng cao su, có ngày hàng chục công nhân bị gãy chân, gãy tay. Có người khi cây sắp đổ còn không biết cây đổ hướng nào, chạy không kịp bị cây đè chết. những người bị chết được chất lên xe bò chở ra chôn ngoài nghĩa địa Láng Lớn.

Công cụ lao động, chúng nghiên cứu cải tiến như cán cuốc chúng cắt cho ngắn, tra vào lưỡi cuốc to để buộc công nhân làm việc lúc nào cũng phải khum và cuốc được nhiều đất.

Khoán việc thì rất nặng Ở An Lộc, đốn cây mới đầu khoán 8 người chặt một cây thật to bằng thủ công với con dao rựa đục sẵn, chặt không xong sáng ngày sau chúng rút bớt đi người và bắt phải làm cho xong, nếu không chúng đánh đập, vì cho là công nhân lười biếng. Mùa mưa, tranh nhiều phải cày bằng bò. Tranh quá nhiều bò không vào được, chúng bắt 5, 7 người phu giăng tay nhau chạy đê tranh xuống, không giày dép, tối và phải đốt lửa hơ đỡ ngứa và khều gai.

Ở Bình Lộc, chúng khoán việc đào hố trồng cao su rất cao, công nhân phải đào từ sáng sớm đến tối mịt mới xong, có người ngã xiêu ngoài đồng. Ở Suối Tre, vào năm 1940, ngoài việc cạo mủ chúng còn bắt công nhân đi cuốc rễ cây đơn hùng tín, giao khoán một buổi chiều phải cuốc được 7kg rễ, nhiều người cuốc đến trời tối vẫn chưa xong, phải đốt đuốc mà cuốc tới khuya mới về được đến nhà.

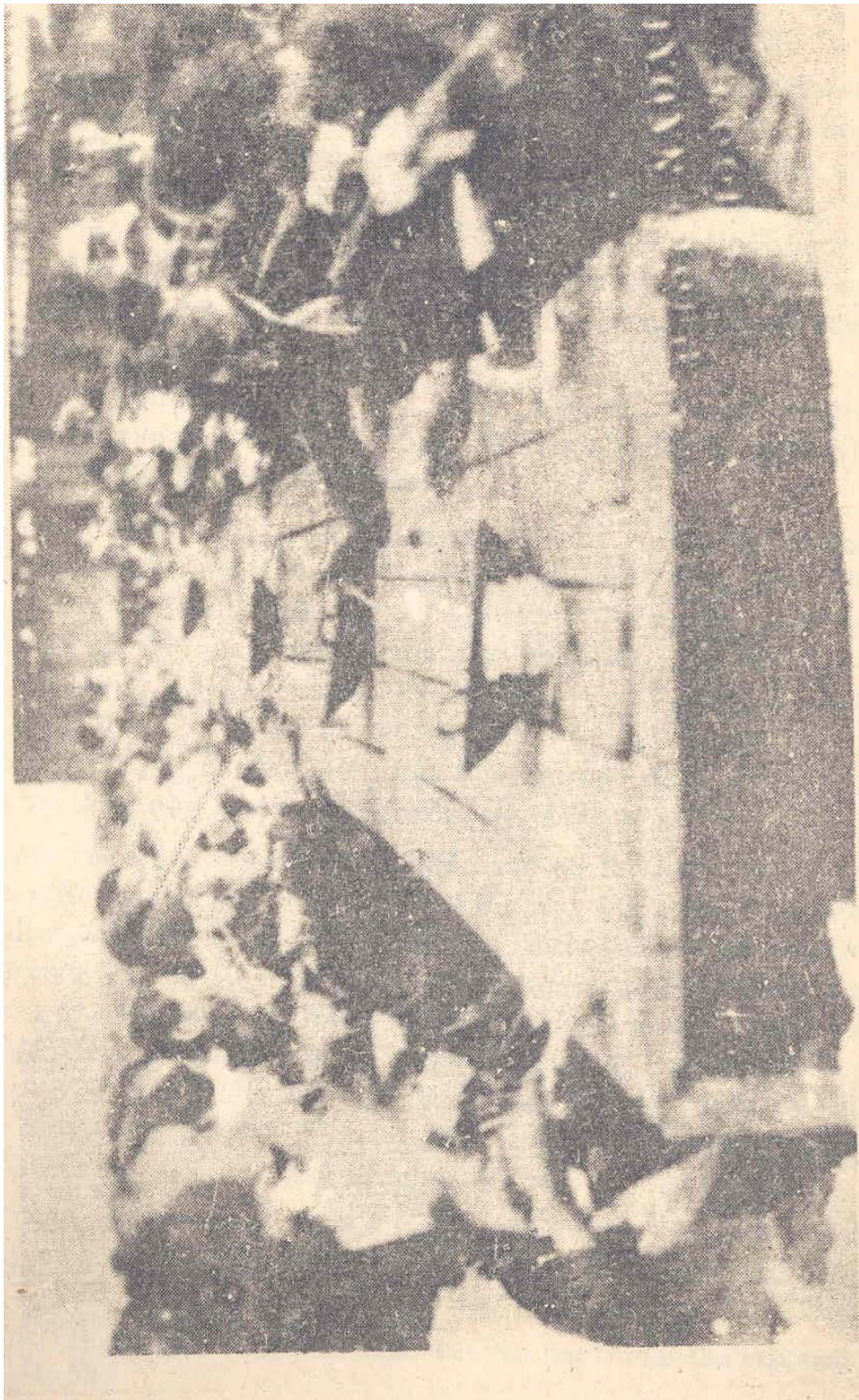
Mùa mưa, ở miền cao su đất đỏ “người phu” lại càng bị đày đoạ nhiều hơn. Họ phải dầm mưa, áo quần ướt át mà vẫn phải để nguyên làm. Đường đi trơn trượt mặc tình cho muỗi mòng, vắt đeo bám hút máu đến no tròn mới nhả, máu tươi chảy đỏ cả chân. Càng mưa, bọn hung thần bắt “người phu” làm việc càng nhiều. Chúng nói : “Làm nhiều cho đỡ lạnh”

Đối với công nhân nữ lại càng khổ sở vô ngần. Khi có thai gần ngày sinh đẻ cũng phải đi làm. Nghị định ngày 25-10- 1927 của toàn quyền Đông Dương quy định : “Phụ nữ được nghỉ 1 tháng có lương sau khi đẻ...”. Như vậy, sau khi đẻ công nhân nữ mới được nghỉ 1 tháng có lương, còn trước khi đẻ mà nghỉ sẽ không có lương. Và còn nhiều tai họa khác nữa thường xuyên đe dọa người công nhân nữ như bị hãm hiếp, bệnh đau của nữ...

Lao động khổ sai nhưng đồng lương thật qua ít ỏi, năm 1928-1930, công nhân cạo mủ là 30 xu, sau tăng 35 xu/ngày, công nhân đi ve (làm việc linh tinh” 20 xu/ngày. Lương đã ít mà động một tý là cúp phạt. Ngày phát lương rất nhiều công nhân lo sợ, họ biết rằng lương họ còn chẳng là bao, có khi còn thiếu lại nữa. Đã vậy còn bị hành tội đủ điều, thật là nhục nhã.

Thủ đoạn cúp phạt đánh vào tiền lương của công nhân là một thủ đoạn thâm độc của lớp tư bản đã được chúng tích cực thực hiện. Chúng làm cho công nhân không còn đồng xu dính túi để không có đủ tiền trở về quê hương khi mãn hạn công tra.

Ngày lãnh lương cũng còn là ngày những chủ nợ, vợ thầy xu, xếp, bám công nhân đòi nợ như đĩa đói. Tiếng chửi rủa của những chủ nợ vang lên om sòm, tùm người công nhân cầu xé vì công nhân không còn tiền để trả. Chúng còn khuyến khích nạn cờ bạc cho công nhân sát phạt lẫn nhau, không còn tiền dành dụm để rồi càng dính sâu vào kiếp công tra.



Bữa ăn của công nhân cao su Xuân Lộc trước cách mạng tháng tám

Lơ-phe-vơ-rơ (ký giả người Pháp), mô tả ngày lĩnh lương của công nhân cao su như sau : “Hôm nay là ngày phát tiền, 2 giờ chiều cu-ly tràn tới buồng phát... Những thân hình gầy còm đi tới đi lui, một tiếng xào lác của chân không dẫm lên lá khô, một cái cựa quậy của những xương bả vai nổi hẳn ra ngoài, của những bộ ngực lõm xương sườn và của những sợi gân sần sùi, ngòì chòm hỏm, không nhúc nhích nhưng căng thẳng như những con ve...”⁽⁷⁾.

Đời “người phu cao su”, vừa phải vật lộn với nhưng công việc nặng nhọc ngoài đồng, về đến nhà họ lại phải vật lộn với cả cái ăn, cái ở, cái mặc.

Vào đến đồn điền, những người phu được đưa vào những lán trại bằng tranh tre cất ở những chỗ đất trũng, ẩm ướt, ven sông, ven suối, nơi mà mùa mưa, tất cả nguồn nước sẽ tràn về ngập ú đọng. Bên trong dãy nhà được xếp đặt 2 bên 2 dãy giường vạt tre cho độ 15, 20 người ở. Ở giữa có 1 bàn dài bằng tre để vật dụng tư trang, có 4 cửa ra vào, 2 cửa trước và 2 cửa đầu hồi. Bếp núc nấu nướng trong nhà, trông thật tối tăm, nhơ nhớp. Muối, rệp, bọ chét rất nhiều.

Mô tả cảnh ăn ở của công nhân cao su thời đó, báo Echo Annamite ngày 19-9-1928 viết : “Chủ Tây không có làm nhà, chỉ dựng cho mấy dãy lều tranh, giờ mưa thì nước xuống tứ bề, nhiều khi cu ly phải ngồi suốt đêm, đèn lửa không có, lạnh run cầm cập...”. Báo “Đuốc nhà Nam” số 45 ngày 15-1-1929 viết : “Phu cao su 4, 5 người ở chung 1 buồng, buồng rộng độ 16 m². Trong đó, nào là ở, nào ăn, nòì đĩa, lửa củi đều chất chứa đó cả. Nhà lợp kềm nóng, phen vách chằng kín, mùa hè nực nội, mùa đông lạnh giá...”

Trong bản “công tra” người phu đặt tay vào ký hoặc lãn tay có ghi : “Ngoài tiền lương hàng ngày, người phu công tra được hưởng gạo loại tốt 800gr/ngày, trong tháng, có 200gr thịt tươi, 400gr cá tươi, 300gr rau xanh, 20gr mỡ, 5gr trà, 20gr muối, 15gr nước mắm, ”

Nhưng khi đến đồn điền, gạo tốt đâu không thấy, chỉ thấy ăn toàn gạo lức, ẩm mốc, mùi chua xông lên nồng nặc

Nước để công nhân sinh hoạt, ăn uống rất là thiếu thốn. Sau một ngày làm việc, từ ngoài lò người công nhân uể oải trở về trại, họ phải lê chân từng bước đến bên vũng nước đục ngầu để rửa mặt, rửa tay và múc nước nấu ăn.

Ở quê hương, những người nông dân nghèo đã phải mặc quần đụp áo manh. Vào đồn điền cao su, người phu cũng suốt đời “mặc áo đôi vai, quần đôi ống”. Tiền không đủ ăn lấy đâu mặc lành. Nhiều người chỉ có một bộ đồ đi làm không có cái thay, ở nhà quần manh áo rách, ban đêm giặt giũ chưa kịp khô, hôm sau vẫn phải mặc đồ ướt đi làm. Có người đi làm chỉ mặc quần cụt, cởi trần để đỡ đỡ bộ xương gầy, có những đêm lạnh lẽo, chần không có phải đốt lửa hơi hoặc nhiều người nằm sát nhau để lấy hơi người sưởi ấm. Ở nhà máy An Lộc, vào mùa lạnh, chủ sở có “xâm” cho mỗi người một cái áo bằng mũ Crep để chống lạnh. Mỗi lần vào nhà máy chúng bắt công nhân phải đem áo quần vào lò xông mũ để xông cho chết chấy rận. Nhiều nơi trước khi mặc áo quần, công nhân phải trải đồ ra, lấy chai lăn giết bớt chấy rận chui vào kẽ vải

Chế độ làm việc khổ sai, đời sống ăn ở tồi tàn, áo quần rách nát không đủ che thân, lại bị đánh đập thường xuyên làm cho người công nhân cao su không bị đau ốm triền miên với đủ thứ bệnh : ghẻ lở, lao phổi, sốt rét, phù thũng, sâu quầng, dịch hạch, dịch tả...

(7) Nguyễn Hải Trưng biên soạn. Tài liệu lưu trữ tại thư viện Quốc gia – Hà Nội

Khi mộ dân phu, chúng lựa những người lực lưỡng khỏe mạnh, được thầy thuốc khám sức khỏe trước, nhưng khi đến đồn điền, dân phu được “chăm sóc sức khỏe” bằng đòn roi, bằng sự đầy đọa thân xác vô cùng khắc nghiệt. Bệnh sốt rét thường có cơn chứ không phải lúc nào cũng sốt. Khi công nhân khai bệnh, vì chưa tới cỡ sốt, chúng khám cặp nhiệt kế thấy bình thường, chúng cho là công nhân làm biếng, bắt đánh và bắt đi làm. Có người đi làm, trưa lên cơn sốt, đi không được ngã quỵ xuống chết ở ngoài lô. Để chống bệnh phù thũng, chúng nấu cám bắt công nhân ăn, hàng tuần một lần bắt công nhân đứng xếp hàng uống ký ninh hòa nước tại sân điếm. Người bị bệnh được kiêng đi hoặc chở bằng xe bò đến nhà thương. Có những nhà thương giường làm bằng gạch như các bệ xi măng. Những đêm lạnh, nằm trên nền đá không mền, không chiếu, người bệnh lạnh thấu xương, cắt manh bô rách dựng gạo thay mền. Ăn uống thì rất kham khổ muốn có thuốc trị phải đút lót ông thầy. Cái chết dần với người phu cao su dễ dàng như sự nghèo đói đến với họ.

Căn cứ vào các bản thống kê về các bệnh tật hàng năm tại các đồn điền, con số người chết vì tai nạn lao động, về ốm đau bệnh tật thật là kinh hoàng.

Vào năm 1927, khi mà thành lập đồn điền An Viễn (Biên Hòa), người ta nhận thấy con số 502 công nhân với tỷ lệ khủng khiếp là 27,4% người ốm và 26,7% người chết. Công ty Đất Đỏ, từ năm 1917 đến năm 1945 đã chiêu mộ được 197.809 dân phu, tính đến cuối tháng 11-1944 đã có 21.485 dân phu chết ở khắp các đồn điền trong Công ty

Ở An Lộc, có ngày số người chết lên tới 5,6 người. Tại nghĩa địa 97 Dầu Giây, Núi Đơ (An Lộc) hàng ngày có 2 người chuyên đào huyệt, vậy mà có lúc vẫn không kịp chôn người chết. Những mồ mả ở nghĩa địa 97 đã bị quật lên chôn xuống 4,5 lần như vậy. Những xương cốt trắng đục của người phu chôn ở đây ngôn ngang đầy nghĩa địa.

Ở đồn điền Ông Quê trước kia có tên là Cam Tiêm, những dân phu ở đó chết thật nhiều, chết như rạ, có trận dịch tả chết hàng trăm người, nên dân phu gọi thêm cái tên là Cà Rạ. Đồn điền Cây Gáo nơi mà rừng thiêng nước độc ngày xưa là trại giam cầm những chiến sĩ cách mạng, những người phu ở các đồn điền mà chúng cho là đứng đầu chống đối. Vì vậy, dân phu còn gọi đó là “Ma thiên lãnh”. Địa danh này gắn liền với sự đầy ải chết chóc mà nhân dân ở Nam bộ ít người không biết đến.

Thủ đoạn đánh đập, cúp phạt, hãm hiếp là chuyện xảy ra thường xuyên. Chủ đồn điền đã bày ra không biết bao nhiêu thứ phạt để hành hạ, đầy đọa người phu. Đọa đầy ngay từ khi mới bước chân lên xe vào đồn điền.

“Chúng tôi lên xe ngồi, xe nổ máy thì họ trở mặt ngay, động một tý thì họ đánh, họ chửi”.

“Mới đến đồn điền, bước chân xuống xe đã có ông thần Ba-toong tiếp rước và họ chăm tiếp bằng ma trác”.⁽⁸⁾

Trên đường đi đã bị đánh. Đến đồn điền mới xuống xe tập trung ở nhà điếm lại bị một trận đòn đánh phủ đầu ngay.

“Vào tháng 10-1932. Trong chuyến dân khoảng 400 người, bố, chú, bác của tôi vào Nam kỳ đi phu, lúc đó 2 anh em của tôi còn nhỏ. Sau 3 ngày đêm tàu lửa đến ga Xuân Lộc dừng

⁽⁸⁾ Thư tố cáo của 1 người công nhân đăng trên báo Echo Annamite ngày 19/9/1928

bánh cho dân phu xuống, và sáng hôm sau xe ô tô của sở An Lộc ra chở dân phu vào các làng. Ở đây có tên xếp Ba Cự, một tên ác độc khét tiếng nhất vùng, hấn tập trung dân phu lại nói chuyện. Hấn đã đánh một anh thanh niên người Hà Tĩnh một trận như tử hộc máu mồm, máu mũi mới thôi, chỉ vì anh dám nói lên sự bực đãi của đồn điền khi dân phu mới đến”.⁽⁹⁾

Chủ, xếp, xu gọi mà người dân phu trả lời chậm, không “bẩm, thưa”, không xưng bằng “con” là bị đánh. Gặp chúng cúi đầu chào mà không chấp hai tay lại, cúi gập người xuống là bị đánh. Ở đồn điền Bình Sơn, Cuộc-tơ-nay thuộc công ty Đất Đỏ, công nhân phải gọi tên bằng số, nếu chúng gọi 3 lần mà không nhớ số của mình là bị đánh.

Đối với công nhân công tra vào mỗi buổi sáng, tiếng kèng báo thức và tiếng kèng tập trung ra sân điem đã trở thành nỗi lo âu, phập phồng khủng khiếp. Tiếng chủ mắng, tiếng la hét, tiếng roi kêu vun vút đến rợn người nơi sân điem.

Ở đồn điền Cây Gáo, vào năm 1938 có một nữ công nhân cạo mủ tên Nguyễn Thị Hòa mang thai gần ngày sinh còn phải đi cạo, sức khỏe yếu không thu nhặt hết mủ bèo, mủ đất, chủ sở đã đánh chị chết tại gốc cao su. Ở Bình Lộc, Chị Liên mang thai, vì mệt nên trốn làm “cỏ vè” một tiếng đồng hồ, bắt được chúng đào lỗ bắt chị nằm úp để vừa cái thai xuống, đánh cho 20 roi mây vào gan bàn chân, chị đã chết giấc và sau này bị hư thai. Lối đánh này chúng gọi là đánh “úp thủng” dành riêng cho nữ công nhân có thai.

Ở đồn điền cao su còn có lắm thứ cực hình quái lạ, được “phát minh” để hành hạ công nhân. Cách đánh bằng quất roi vào mông, lấy cù hèo nện bôm bóp lên đầu, đâm đá, lên gối, móc quai hàm v.v..., chúng cho là những cách đánh thường. Ở đồn điền An Viễn, vào những năm 20 có thằng chủ Ba Rây khét tiếng về những thủ đoạn đánh dân phu. Mỗi buổi sáng nó bắt những người phu vắng mặt hôm qua, hoặc phạm lỗi kỹ thuật, nằm sấp trên nền đá dăm, đánh vào hai mu bàn tay và hai gan bàn chân, đến khi máu túa ra thâm bầm da thịt, nó bắt đứng dậy nhảy trên đá sỏi, nhảy không nổi nó sai người kéo người bị đánh lét trên nền sỏi. Lối đánh này đấm hung thân đất đỏ gọi là lối đánh “nhảy cà từng”.

Ở sở Cuộc-tơ-nay, ai vào làm sở này đều ghê sợ khi nghe đến tên chủ sở Bu-du. Hấn đánh phu cạo rất ác, ngày nào ra lô nô mặc quần dài thì thôi, còn thấy nó mặc quần “soọc” đi vào lô là ngày đó nó đánh người rất dữ. Tên Rô-ba-trê méo miệng chảy máu người phu đến mức đánh mà chưa thấy đã máu, nó nhào đến cắn vào người cho đổ máu ra mới chịu thôi. Ở đây còn có thằng xếp Bô-lanh mà công nhân quen gọi là xếp “mũi lỗ” hoặc tây “uớt lưng”, nó rất siêng đi lô để đánh phu. Một hôm vào mùa đông, đã hơn 9 giờ sáng rồi mà rừng cao su Láng Lớn vẫn còn âm u, sương lạnh dày đặc, anh 68 hát chèo đang ngon tay cạo ở hàng cây đầu đường, anh tập trung tâm lực vào việc cho để tránh những lỗi kỹ thuật như cạo vô xương, hay cạo đầy dăm, nên thằng xếp Bô-lanh đến bên anh lúc nào anh không hay biết. Anh còn thanh niên có sức khỏe, cạo rất nhanh, thường ngày anh cạo một mạch đến khi nào gần hết phần cây mà còn rộng thời giờ anh mới nghỉ cạo một chút cho khỏe rồi mới cạo tiếp. Hôm ấy vì không để ý thằng xếp đến ở bên cạnh, anh vừa ngồi phịch xuống đất thở phì khoan khoái, bất ngờ thằng Bô-lanh đi đến đá vào mặt, vào người anh nhiều cái nảy lửa. Anh chỉ biết kêu lên thất thanh và ngã xuống đất bất tỉnh, máu me đầy mặt. Một lúc lâu, anh 68 tỉnh lại, nó nắm tay lôi anh đứng dậy và nói “giỏi cho mày loai công việc, mày làm mà chẳng có mồ hôi thấm lưng”, rồi tiếp tục đánh. Không được chăm sóc thuốc thang, ba hôm sau anh tắt thở. Tên xếp tây này, hàng ngày còn bắt cai đánh cu-ly cho nó coi, ai có “tội” bắt đánh 50 roi vào mông, cai đánh cu-ly nhẹ, nó bắt cai nằm

⁽⁹⁾ Đất đỏ miền Đông. Hồi ký của Lê Sắc Nghi, trang 15.

xuống cho cu-ly đánh lại. Thấy gái đợc mắt, nó hỏi và ghi số, tối đến sai “gác dan” xuống bắt lên cho nó hãm. Nó đến kíp “đi ve” của đàn bà, cai không biết ý bỏ đi mà còn luẩn quẩn ở đó thể nào cũng bị nó đánh.

Chẳng riêng gì ở sở Cuộc-tơ-nay, có tên hung thần đất đỏ với biệt hiệu là “tây ước lưng” mà khắp các đồn điền thuộc nhiều Côngtly khác, nơi nào cũng có những tên chủ, xếp bắt công nhân phải làm sao cho lưng ước đằm mồ hôi, kê cả vào mùa đông giá buốt.

Ở đồn điền Hàng Gòn có tên Ba-dê (William Bajé) chủ đồn điền và cũng là tên trùm thực dân rất khét tiếng tàn ác ở vùng Xuân Lộc. Hắn là cha nuôi vua Bảo Đại, đợc Bảo Đại, tặng cho 4 con voi dùng để đi săn bắn và hành hạ công nhân.

Nói đến những tên tay sai người Việt khét tiếng ác ôn, công nhân An Lộc ai cũng còn biết đến tên xếp Ba Cự. Hắn vốn là tên chúa ngục ở Côn Đảo, tay sai rất đắc lực của bọn chủ Tây, theo đạo Phật, sau bỏ đạo Phật theo đạo Thiên Chúa để tỏ lòng thành với chủ Tây. Mũi nó bị vi trùng cam ăn sứt mũi, hay khịt khịt, giọng nói khàn khàn rất khó nghe. Hắn đi giày đinh, thường mang bàn tay sắt và 1 gậy sắt dài có ngạnh, có võ giỏi nên hắn đánh người rất độc với nhiều kiểu đánh. Công nhân bệnh khai “ma lách”⁽¹⁰⁾. Hắn lấy ống thủy kẹp vào chân trái và kêu người bệnh cúi xuống lấy ống thủy lên cặp, người bệnh vừa cúi xuống ngang tầm giày, bị hắn đá phóc cho một cái, người bệnh ngã lãn ra, lồm cồm bò dậy và ráng đi làm không dám xin nghỉ. Có người ốm không dám nghỉ, cố bò ra lô mà làm nên té xỉu và chết ngoài lô.

Công nhân thường bảo : “Đòn Ba Cự hơn xu Thanh” Xu Thanh, Sáu Bộ cũng khét tiếng đánh công nhân ở vùng An Lộc, nhưng vẫn chưa bằng Ba Cự. Sau khi Pháp tái chiếm đồn điền 1946, hắn lại bị chính chủ Pháp bắt và giết chết.

Đến đồn điền Cuộc-tơ-nay, đợc nghe công nhân nhắc đến cái chết của anh 70 trong mùa mưa đằm tháng 6/1941 thật là thê thảm. Anh bị sốt rét nặng, sáng đi điếm danh, anh có xin xu Lu ở Láng Lớn cho anh khai “ma lách”. Nhưng xu Lu không cho, buộc anh phải ra lô cạo như mọi ngày. Vợ anh 70 thấy vậy, chạy về nhà bắt con gà mái tơ chạy lên nhà xu Lu. Hắn nhìn con gà mái tơ, mặt lạnh như tiền, rồi lắc đầu : “đem gà về đi, vợ chồng mày có đôi, mày đem gà lên chi mà lẻ loi vậy” Chị 70 hiểu ý xu Lu, nhưng khó nổi đào đầu ra con gà nữa. Anh 70 phải ráng lết ra phần cây của mình để cạo.

Thế rồi, trời vẫn vũ sắp đổ mưa. Tiếng đập thùng rầm lên báo hiệu lệnh trút mũ gấp. Anh 70 mệt lả, nhưng cũng ráng xách thùng đi trút mũ và anh đã xỉu tại góc cao su. Vừa khi ấy xu Lu tới, thấy vậy hắn xáp tới không cần hỏi han, đá tới tấp vào người anh. Rồi cơn mưa ào đến, hắn mặc vội áo mưa, nhảy lên xe đạp, đạp một mạch về hướng nhà mũ. Tạnh mưa, bác cai 3.000 điếm dân trong kíp thấy thiếu anh 70, cho người đi tìm và gặp anh nằm xoài trên đất đỏ, máu tươi rỉ bên mép, tay chân lạnh ngắt cặp mắt nhắm nghiền. Anh em trong kíp thay phiên nhau bế anh về nhà. tối đó anh 70 đã tắt thở.

Ở Dầu Giây có tên xếp Chín Vinh, vừa độc ác, vừa có tính dâm dăng. Ưng ý chị nào là hắn bắt chị ấy làm riêng ra một chỗ để dễ bề hãm hiếp.

Vào năm 1941, sở Dầu Giây có 2 vợ chồng anh Tình từ ngoài Quảng Trị vào sở làm và đợc xếp Chín Vinh cho ở một căn nhà tranh ở bìa lô. Chị Tình cũng nhận một phần cây cạo.

⁽¹⁰⁾ Khai bệnh

Vào thời đó, phụ nữ ở đồn điền rất hiếm, mà phụ nữ đi cạo lại càng hiếm. Đến sở làm chưa đầy một tuần lễ, vào một tối thứ bảy trong lúc hai vợ chồng son đang ngồi uống nước chè tươi với ngọn đèn dầu leo lét trong nhà. Bỗng từ ngoài cửa 4 tên lực lưỡng, tay chân Chín Vinh bước vào, tên đi đầu đặt lên bàn con trước mặt 2 vợ chồng anh một cái mâm, trên đó đặt món lễ cưới, có trâu cau, trái cây và một con dao phay, bắt anh chọn một trong hai thứ. Những tên trong bọn đã lấy dao phay kề vào ngực anh đe dọa để cho đồng bọn vác xác vợ anh lên vai chạy thẳng ra ngoài.

Trước cách mạng tháng 8/1945 nữ công nhân rất ít, cho nên không biết bao nhiêu chuyện đau lòng đến với người phụ nữ trong các đồn điền.

Ngoài những thủ đoạn đánh đập, cúp phát, bắn giết... bọn chủ đồn điền luôn tìm cách chia rẽ trong nội bộ công nhân như sắp xếp dân theo đạo Phật ở riêng, theo đạo Thiên chúa ở riêng, kích động hai bên đánh đập, đâm chém nhau. Chúng tìm đủ mọi cách để chia rẽ dân Bắc-Trung-Nam, chia rẽ giữa người Kinh và người dân tộc. Hầu hết dân phu đều mù chữ, nạn cờ bạc, rượu chè trong các đồn điền được bọn chủ khuyến khích, trở thành phổ biến để rồi dân phu không còn tiền dành dụm mà trở về quê hương khi đến ngày mãn hạn công tra và lâm vào cảnh :

“Ra đi bỏ xác Nam kỳ

Thân anh bón cỏ xanh rì ngoài nương”

(Ca dao công nhân Cao su)

Bằng sự bóc lột hết sức tàn bạo sức lao động của người phu cao su, bọn tư bản thực dân Pháp đã tạo ra những món tiền lãi kếch xù:

* Ở Công ty SIPH vốn ban đầu	29.600.000fr
Năm 1937 lãi	4.945.000fr
Năm 1951 lãi	1.300.000.000fr
* Công ty SPH-XL, vốn ban đầu	360.000fr
Năm 1937 lãi	4.193.000 fr
Năm 1939 lãi	8.830.000fr
* Công ty Đất Đỏ, vốn ban đầu	2.300.000fr
Năm 1939 lãi	75.070.000fr
Năm 1953 lãi	1.071.000.000.fr

Tiền lãi mà chúng thu được gấp mấy chục lần so với tiền lương trả cho công nhân. Ở Công ty Đất Đỏ, năm 1936 mỗi lao động của công nhân tạo ra từ 12.000 đến 13.000 fr nhưng chỉ trả lương khoảng 1.000 fr. Theo tài liệu của tư bản Pháp để lại cho biết, vào năm 1939 có 19 Công

ty Cao su thu được 309 triệu frăng lãi, trong khi đó tổng số tiền lương của công nhân trong 19 Công ty đó không đến 40 triệu.

Nhờ vào những món tiền lời lớn, rút ra từ xương máu của người phu mà bọn chủ đồn điền sống một cuộc đời rất đế vương, ăn chơi vô cùng xa hoa, trụy lạc. Mỗi chủ xếp Tây đều ở trong những biệt thự nguy nga, tráng lệ.

Vào đầu những năm 1940, từ Biên Hòa đi về vùng Xuân Lộc, trên đường số 1 (tức Quốc lộ 1), qua khỏi ngã ba Dầu Giây độ 6km là đồn điền An Lộc, có Suối Tre là trung tâm của Công ty Cao su SIPH. Nơi đây có nhiều ngôi biệt thự nguy nga, lộng lẫy nằm chễm trệ trên những ngọn đồi con, có sân quần vợt, có hồ bơi, chỗ tắm nắng, có sàn nhảy đêm. Xung quanh có những vườn hoa, cây kiểng, có những sân cỏ xanh mượt, rộng thênh được cắt bằng phẳng để quần ngựa dạo cảnh. Trên những đồi con được trồng những loại cây thân to, cao, tán lá rộng, những cây dương cao vút vi vu trong gió. Bên kia Suối Tre là núi Thị, trên ngọn núi được cất một tòa lâu đài nguy nga, cao chót vót. Bên trái lâu đài này, có một đồi dương cao vút, xanh mượt quanh năm.

Suối Tre, An Lộc thật là một cảnh hữu tình, đẹp đẽ, giàu sang, nổi bật giữa rừng cao su bao la xanh tốt mà xưa kia được bọn thực dân mệnh danh là “Đà Lạt miền Đông”. Nơi đây, công nhân cao su không bao giờ được đến, chỉ dành riêng cho những tên chủ đồn điền, những tên hung thần đất đỏ miền Đông.

Máu, mồ hôi, nước mắt nhiều thế hệ công nhân đổ xuống đã bón cho nhưng cánh rừng cao su bạt ngàn của bọn tư bản thực dân ngày càng mượt mà, xanh tốt.

“...Bán thân đổi mấy đồng xu

Thịt xương vùi góc cao su mấy lần” (Tố Hữu)

Cuộc sống tủi cực, đau thương đè nặng lên đầu, lên cổ người công nhân cao su. Mỗi thù giai cấp, mỗi thù dân tộc quyện chặt vào nhau. Muốn thoát khỏi đời nô lệ, không có con đường nào khác là vùng dậy đấu tranh cách mạng phá vỡ xích xiềng, giành lấy tự do, độc lập.

CHƯƠNG II

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN CAO SU ĐỒNG NAI (1930 - 1945)

VÙNG DẬY ĐẤU TRANH DƯỚI NGỌN

CỜ QUANG VINH CỦA ĐẢNG

Ngay từ buổi đầu, bọn thực dân tư bản Pháp đặt chân đến vùng đất đỏ, đã diễn ra nhiều cuộc nổi dậy đấu tranh của Đồng bào dân tộc ít người, chống lại chính sách cướp đất lập đồn điền của chúng. Tiêu biểu cuộc đấu tranh của Đồng bào Châu Ro, xã Lương Tài (Xuân Lộc - Biên Hòa). Vào năm 1918, do ông Điều Xích cầm đầu. Kết quả đã bắt và chặt đầu tên xếp Tây gian ác Đờ-lăng-Xoa. Đồng bào đã đem đầu tên Tây này lên cắm bên trên một ngọn núi nhỏ sau làng Cáp Rang. Từ đó đến nay ngọn núi này được nhân dân trong vùng gọi là núi Đầu Tây

Trả thù cho đồng bọn, thực dân Pháp đã đưa lính lên đàn áp cuộc đấu tranh, tàn sát dã man đồng bào Châu Ro. Chúng xóa luôn xã Lương Tài. Ở đó, xưa kia có một cái bầu, để nhớ mãi mối thù đáng cay ấy, đồng bào đặt tên cho cái bầu ấy là Bầu Đảng.

Cũng vào những năm 20 này, nhiều cuộc đấu tranh tự phát của công nhân cao su liên tiếp nổ ra ở khắp các đồn điền với hình thức phổ biến là trốn sở. Để thoát khỏi “kiếp công tra”, người phu cao su không có con đường nào khác là lừa cách trốn khỏi đồn điền. Nhưng trốn đi cũng không dễ dàng. Lúc đó, quanh đồn điền là rừng già, nhiều thú dữ, không ít công nhân bị bỏ xác ngoài rừng khi chạy trốn, vì họ chẳng biết đường đi, phương hướng nào cả. Trong những năm khai phá rừng già để trồng thêm cao su ở đồn điền Cam Tiêm, An Viễn, Cuộc tơnay, Cây Gáo v.v... công nhân đã gặp những bộ xương của những người trốn sở bị lạc trong rừng không biết đường ra.

Có những người không bị lạc trong rừng, may mắn ra được thì cũng khó thoát, vì với thân hình bụng ồng, da tái xanh, nhìn vào ai cũng biết là phu cao su, nên rất dễ bị bọn hương lý, hội tề phát giác, bắt nạt cho chủ sở, để rồi bị đánh đập bị tù đày và lúc mãn tù ra lại tiếp tục kiếp công tra. Có người trốn sở này, chạy qua sở khác, tuy không bị cảnh tù đày đánh đập vì tội trốn sở, nhưng lại phải làm việc khổ sai chẳng khác sở cũ chút nào.

Phong trào trốn sở ngày càng nhiều, khiến cho bọn chủ sở rất lo ngại, mặc dù bọn hương lý bủa lưới bao quanh các đồn điền rất đặc lực. Nhiều sở bọn chủ còn tung tiền của ra dụ dỗ mua chuộc đồng bào dân tộc ít người, tích cực lùng bắt những người trốn sở. Chúng thường rất hậu : 5đ cho ai bắt được một dân phu trốn sở đem về nộp cho chủ. 3đ cho ai báo tin những phu âm mưu trốn sở hoặc nơi chứa chấp dân trốn. Đối với người dân tộc, chủ sở còn thưởng rượu, muối, những thứ mà người dân tộc rất ưa thích. Có nơi chủ sở còn treo thưởng với dân ở các “sóc” chỉ cần cắt được lỗ tai của dân phu trốn sở đem về nộp cũng được thưởng.

Bỏ sở trốn, nhưng tránh “vỏ dưa, đập vỏ dưa”. Trốn sở này nếu không bị bắt lại, cũng vào sở khác, khổ vẫn càng thêm khổ. Cùng quần quá, nhiều người tìm lối thoát bằng cách tự tử kết liễu đời mình

Căm thù chồng chất, có những người sinh ra manh động, chém giết bọn chủ xếp, xu, cai tàn ác, những kẻ hàng ngày, hàng giờ hành hạ mình và rồi đứng nộ mình cho chúng bắt, đánh đập, tra tấn, tù đày

Ở đồn điền Cuộc-tơ-nay, công nhân đã trùm bao bố tên xếp Bảy Lung và đánh cho hơn một trận như tử. Dân phu ở làng A (Láng Lớn) quá căm tức tên xu trên nên đã rình đâm hấn trên đường từ làng Suối Sốc về. Ở Bình Đa, có anh dân phu bị sốt rét nặng, sáng đi tìm danh anh có xin xu Thông cho anh khai “ma lách” nhưng xu Thông không cho, buộc anh phải ra lô cạo mủ như mọi người, vì không có người cạo thay phần cây của anh. Anh cố gắng cạo, nhưng cơn sốt đã hành hạ, đã làm cho anh xiêu xuống gốc cao su. Tên xu Thông đến thấy vậy, quát tháo, chửi rủa, cho anh là kẻ “lười biếng” và đâm đá túi bụi vào người anh cho đến chết. Nhìn thấy cảnh lượng đau lòng ấy, công nhân ở 3 kíp cạo kẻ bên quá uất ức, rượt đánh tên xu Thông tại lô 15, hấn sợ quá chạy băng qua 3 lô về làng, chui vào gầm ván trong nhà thờ trốn. Được người gác chuông cho biết, công nhân đã tìm ra hấn và lấy những tấm ván đó đè lên người hấn rồi dùng gậy đập cho tên này một trận đến chết giác mới thôi.

Từ những hành động bỏ trốn, phản kháng lẻ tẻ của từng cá nhân, đến sự phản kháng của nhiều người trong một vụ, và tiến dần lên đã xuất hiện những cuộc bãi công, đấu tranh trực diện có tính chất toàn thể trong đồn điền. Điển hình là cuộc đấu tranh của 500 công nhân ở đồn điền Cam Tiêm vào tháng 12-1926, bởi vì họ quá uất ức vì sự lừa gạt của những kẻ mộ phu, nhiều quyền lợi trong bản giao kèo họ không được hưởng, lại bị chủ sở đối xử như những con vật. Cuộc đấu tranh này bị đàn áp đập tắt ngay và tiếng vang chưa rộng.

Tháng 9-1927, ở đồn điền cao su Phú Riêng cũng đã nổ ra cuộc đấu tranh được toàn thể công nhân trong đồn điền hưởng ứng, nổi lên giết tây Mông-téc-lô (Monterlo).

Tuy đã có những cuộc đấu tranh trực diện với tính chất và qui mô có lớn hơn so với những hành động tiêu diệt những cá nhân ác ôn. Nhưng đó chỉ là sự phản kháng không lối thoát, hầu hết nhưng cuộc đấu tranh đó đều bị chìm trong máu.

* *

*

Tháng 6-1925, lúc Nguyễn Ái Quốc đã lập ra tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng Đồng chí hội

Chỉ trong mấy năm (từ năm 1926 đến năm 1929). Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội đã xây dựng được cơ sở ở nhiều trung tâm kinh tế, chính trị quan trọng trong cả nước.

Năm 1928, Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội chủ trương “vô sản hóa” đưa hội viên của mình vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền và các xí nghiệp, cùng làm, cùng ăn, cùng ở với công nhân, giác ngộ cách mạng cho công nhân. Phong trào “vô sản hoá” đã có tác dụng lớn, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của công nhân tiến nhanh từ tự phát lên tự giác.

Năm 1928, đ/c Nguyễn Văn Cừ, tự Vĩnh đã lên Phú Riềng⁽¹¹⁾ hoạt động trong phong trào công nhân cao su, xây dựng cơ sở Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội. Trong số công nhân được Đồng chí giác ngộ có đ/c Trần Tử Bình là người tích cực nhất. Đó cũng là một công nhân được đ/c Cừ bắt rết đầu tiên. Ít lâu sau, số người được kết nạp vào Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội lên tới 4 người, gồm có đ/c Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng và các Đồng chí Tạ, Hòa. Ngoài việc tuyên truyền đường lối cách mạng, đ/c Cừ còn phổ biến rất nhiều kinh nghiệm và phương pháp đấu tranh cụ thể. Từ đây phong trào đấu tranh của công nhân cao su phát triển lên một bước mới.

Ngày 20-9-1928, ở đồn điền Cam Tiêm đã nổ ra một cuộc đấu tranh lớn của 400 công nhân. Họ Đồng loạt nghỉ việc, kéo nhau ra sân diêm biểu tình, phản đối chủ sở đưa yêu sách đòi thực hiện đúng những điều khoản trong bản “công tra” mà họ đã ký trước khi bước chân đến đồn điền.

Cuộc bãi công này kéo dài từ sáng sớm đến chiều, đã làm bọn chủ hoảng sợ. Tên Giám đốc đồn điền phải cấp tốc cử tên phụ tá đến sở hiến binh Xuân Lộc vào lúc 14 giờ ngày 20-9 để xin hiến binh và lính đến can thiệp. Tỉnh trưởng Biên Hòa đề cử 20 lính và 3 hiến binh đi bằng ô tô đến đàn áp, làm nhiều người chết và bị thương nhiều người khác phải tản vào rừng. Tên chủ sở và bọn xếp phải chạy qua Dầu Giây trốn, đến hôm sau hiến binh và lính ở Cam Tiêm đến đưa về.

Trong bản điều trị tra của văn phòng tên Tỉnh trưởng Biên Hòa, ngày 20 tháng 9 có ghi : “Sự việc nêu trên cho thấy hiến binh Xuân Lộc khiếp vía nên phải đánh điện cho tòa bố Biên Hòa yêu cầu gửi gấp lực lượng hiến binh và điều tra viên để lập lại trật tự...”

Vì sao đồn điền Cam Tiêm, công nhân bãi công lần thứ 2 ? Dưới đầu đề : “Ai và cái gì mà các công nhân gây ra cuộc nổi loạn”. Báo Echo Annamite ngày 20-9-1928 đã viết : “400 công nhân gốc Bắc Kỳ ở đồn điền Cam Tiêm vừa nổi loạn, trật tự trở lại mau chóng sau đó khi có sự can thiệp quyết liệt. Đây là cuộc nổi loạn lần thứ 2 xảy ra trên đồn điền này. Lần thứ nhất xảy ra vào tháng 12 năm 1926 cũng do 500 công nhân này dự phần...”

Thay vì quy trách nhiệm cho các viên chức đại diện chánh quyền và các viên chức trong đồn điền, chủ đồn điền lại xoay qua phía công nhân để tìm nguyên do gây rối mà họ có ý tự phụ là họ sẽ chế ngự được các công nhân gốc Bắc Kỳ này. Báo chí An Nam bài bác các cung cách của người mộ dân. Nhiều hứa hẹn đẹp đẽ ra phỉnh gạt những người nghèo khổ, kể cả việc cho mượn tiền trước và bằng mọi cách để cho họ ký tên vào bản công tra mà chính họ chẳng biết điều khoản thứ I nói gì. Về phía các phụ nữ, thiếu nữ, người mộ dân còn nhẫn tâm tước đoạt hết một số quyền lợi mà đáng lý ra người dân sắp làm công tra phải được hưởng.

Ngày mà bản công tra bắt đầu có hiệu lực, người dân công tra mới nhận thấy rằng mình bị đặt dưới quyền lực của chủ nhân, bị đày đọa khổ sai ở các vườn cao su, mà cảm thấy mình bị lừa một cách đôn mật. Từ nỗi thất vọng này mới nảy sinh ra mối bất bình dẫn đến việc gây rối...”

Đây là cuộc đấu tranh đầu tiên nổ ra trong thời kỳ vận động thành lập Đảng.

Cuộc đấu tranh này của công nhân Cam Tiêm và sự đàn áp bằng bao lực của thực dân Pháp đã làm xôn xao và gây xúc động dư luận quần chúng trong nước và ở Pháp. Tổng liên

¹¹ Đồn điền Phú Riềng lúc đó thuộc tỉnh Biên Hoà

đoàn lao động Pháp đã lên tiếng phản đối sự đàn áp của bọn thực dân Pháp đối với công nhân ở đồn điền này và bày tỏ sự đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung, và công nhân Cam Tiêm nói riêng.

Đồng chí Béc-nác-đô-ni, ủy viên ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Pháp, đã vạch trần tội ác của bọn tư bản thực dân : “Hỡi người thợ thuyền ở sở cao su. Anh có biết giá cao su bây giờ hạ lắm, thế mà bọn nghiệp chủ ngày càng giàu không ? Anh làm lụng vất vả suốt ngày như thế mà tiền công có đủ ăn không ? Anh bị bóc lột rồi anh ạ ; Những sự nghiệp lớn lao làm cho người ta phải kinh hãi đó, tức là mồ hôi, nước mắt của hàng nghìn người lao động như anh vậy” Và đ/c còn kêu gọi :

“Hỡi các anh em cu-ly trong các sở cao su. Nếu anh em muốn bọn nghiệp chủ phải thừa nhận những lời yêu cầu chính đáng của anh em, thì anh em nên đoàn kết nhau lại cho thành một Công đoàn có thể lực...”

Các anh hãy đoàn kết nhau lại, chưa muộn đâu”(12)

Lời kêu gọi của Đồng chí đã tiếp thêm sức mạnh đoàn kết của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, cho công nhân cao su trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, thực dân và tư sản.

* *

*

Năm 1929, Ban chấp hành Trung ương lâm thời của “Đông dương Cộng sản Đảng” đã cử Đồng chí Ngô Gia Tự vào Nam hoạt động, gây dựng cơ sở Đảng trong quần chúng công nhân ở các nhà máy, đồn điền...

Đồng chí Nguyễn Đức Văn (tự Nguyễn Tam) được Đồng chí Ngô Gia Tự cử về những đồn điền cao su ở Biên Hòa, Bà Rịa để vận động cách mạng, xây dựng cơ sở Đảng, lãnh đạo công nhân đấu tranh

Ngày 26-10-1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập ở đồn điền cao su Phú Riêng. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ được bầu làm Bí thư Chi bộ.

Các tổ chức bí mật của Đảng cũng được thành lập như : Xích vệ đội, Công hội đỏ... Các Đồng chí còn tổ chức ra những hội đoàn công khai như : Hội tương tế, Đội văn nghệ, thể dục thể thao, để tập hợp giác ngộ cách mạng cho quần chúng công nhân.

Chỉ trong vòng mấy tháng cuối năm 1929 đầu 1930, cơ sở cách mạng đã phát triển khá sâu rộng trong các đồn điền cao su ở Biên Hòa - Bà Rịa.

Ngày 03-02-1930 Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

Sự xuất hiện Đảng Cộng sản Việt Nam trên vũ đài chính trị là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Nó chấm dứt thời kỳ cách mạng Việt Nam ở trong tình trạng đen

¹² Báo Tiếng dân số ra ngày 13-11-1928

tối, không có đường ra, chấm dứt thời kỳ bế tắc. khủng hoảng về đường lối hơn 2/3 thế kỷ, kể từ khi nước ta bị đế quốc Pháp xâm lược.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh của công nhân cao su ở Biên Hòa được đẩy lên. Đặc biệt, từ khi Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng được thành lập, phong trào đấu tranh chống lại bọn chủ, bóc công người Pháp ngày càng lên cao và lớn hơn về qui mô và mục đích. Ở đồn điền Phú Riềng, được chuẩn bị từ ngày 31-1-1930 và sau những ngày nghỉ tết Canh Ngọ, ngày 3-2-1930 toàn thể 5.000 công nhân đã vùng dậy bãi công, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng. Hai lá cờ đỏ búa liềm được kéo lên. Chủ sở Su-ma-nhắc sợ quá phải chấp nhận những yêu sách của công nhân đưa ra như :

- Đòi bãi bỏ thuế thân.
- Đuổi hết những bóc công người Tây ra ngoài.
- Mỗi ngày làm việc 8 giờ.
- Cấp gạo cho nữ công nhân trong thời kỳ sanh đẻ.
- Bỏ đánh đập, cúp phạt.
- Thả những công nhân bị bắt...

Nhưng sau đó tên chủ sở gọi lính ở đồn binh Phú Riềng đến đàn áp. Đội tự vệ công nhân có một toán phụ nữ đi đầu đã dũng cảm chống lại và tước được 7 súng, bắt sống 5 tên lính, số còn lại hoảng sợ bỏ chạy về đồn. Bọn chủ sở và xếp người Pháp cũng chạy trốn, công nhân đã làm chủ đồn điền đến ngày 5-2. Trước tình hình đó, Chi bộ nhận thấy nếu nổi dậy giành chính quyền riêng lẻ như vậy địch sẽ tập trung lực lượng liêu diệt, Chi bộ nhanh chóng chủ trương lãnh đạo công nhân chuyển sang đấu tranh dưới hình thức hợp pháp để tránh bớt tổn thất. Cuộc đấu tranh tiếp tục bằng bãi công và đưa yêu sách. Tên Thống đốc Nam kỳ Co-Rô-Hây-Me (Krauheimer), chủ tỉnh Biên Hoà Mác-Ty (Marty), phó tham biện Vin-Mông (Vilmont) phải thân hành dẫn 300 lính lê dương và 500 lính khố đỏ đến Phú Riềng đàn áp công nhân rất tàn bạo.

“Rất nhiều người chết, 100 người cu-ly bị bắt giải đi Biên Hòa, tình nghi là bọn chủ xưởng, có 800 cu-ly làng số 9 bỏ làng vào rừng⁽¹³⁾.”

Các Đồng chí trong Chi bộ đều bị bắt, sau một thời gian giam giữ, khủng bố, tra tấn, chúng đưa các đồng chí ra tòa xét xử. Các Đồng chí đã biến phiên tòa xử những người cộng sản thành nơi buộc tội quan tòa và vạch trần tội ác bọn thực dân. Quản chúng dự phiên tòa hôm ấy đều trầm trồ khâm phục.

Cuộc đấu tranh của 9.000 công nhân đồn điền Phú Riềng là cuộc đấu tranh lớn nhất, có tiếng vang trong cả nước vào những ngày Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Sau đó có cuộc bãi công lớn của 4.000 công nhân nhà máy sợi Nam Định kéo dài 3 tuần lễ từ 25-3 đến 16-4 do Tỉnh ủy Nam Định và Chi bộ nhà máy sợi tổ chức. Đó là những phát pháo hiệu mở đầu

¹³ Báo “Phụ nữ

cho cao trào cách mạng mới ở Việt Nam và của phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su.

Sau cao trào cách mạng 1930-1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh, đế quốc Pháp đã dim phong trào cách mạng trong biển máu bằng cuộc khủng bố trắng ở khắp cả 3 miền.

Trong năm 1931, xứ ủy Nam kỳ phải 3 lần xây dựng lại. Mỗi lần xây dựng là mỗi lần lại bị địch phá vỡ. Từ đó đến năm 1932 ở miền nam hầu như không còn tổ chức nào của Đảng

Đến đầu năm 1933, xứ ủy Nam kỳ mới được tổ chức lại.

Tuy vậy phong trào đấu tranh của công nhân cao su Biên Hòa - Bà Rịa vẫn tiếp tục phát triển.

Ở làng Đất Đỏ, đồn điền Bình Sơn vào năm 1932, nổ ra một cuộc đấu tranh của công nhân với 2 khẩu hiệu “Chống đánh đập, chống cúp phạt”. Tháng 5-1934, công nhân đồn điền các Công ty cao su ở Biên Hòa đã bãi công 2 ngày chống hạ thấp tiền lương, chủ sở phải nhượng bộ.

Ở Bà-Rịa, ngày 13-7-1931, đồng chí Hồ Tri Tân người tỉnh Quảng Trị, đứng đầu nhóm “Châu viên kết nghĩa” đã tổ chức treo cờ búa liềm đầu tiên trên hòn núi Chóp Mao, cờ búa liềm còn được treo ở 5 địa điểm khác nhau trong tỉnh Bà Rịa.

Năm 1934, Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên được thành lập tại Phước Hải. Từ đây, những Đảng viên trong Chi bộ đã đến các đồn điền cao su Bình Đa, Xà Bang, Láng lớn để hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng công nhân.

Thông qua phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su, mà các Đồng chí đã lựa chọn những hội viên ưu tú để kết nạp vào Đảng như Đồng chí Nguyễn Thị Sanh (Sáu Mười Mẩu) ở sở cao su Láng Lớn, Đồng chí Nguyễn Văn Lắm (Ba Nghệ) công nhân thợ máy ở sở Cam Tiêm, Đồng chí Xê công nhân cạo mủ sở Hàng Gòn... Cho đến năm 1937, các Đồng chí đã xây dựng được 3 Chi bộ trong các sở cao su trên.

Tháng 6-1936, mặt trận nhân dân Pháp giành thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử ở Pháp.

Triệt để lợi dụng tình hình chính trị có những điều kiện thuận lợi diễn ra ở nước Pháp, Đảng ta chủ trương chuyển hình thức hoạt động bí mật, không hợp pháp sang hoạt động công khai hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm tập hợp và hướng dẫn đông đảo quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, thông qua đó giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng. Phong trào Đông Dương đại hội đã dấy lên sôi nổi trong cả nước. Đồng chí Trương Văn Bang, Lê Quang Sô, Trần Văn Cừ, Nguyễn Văn Nghĩa (tự Xước) và nhiều cán bộ khác về vùng Xuân Lộc và các đồn điền cao su lập ra các Ủy ban hành động để tập hợp, lãnh đạo công nhân đấu tranh. Các tài liệu của Đảng như : “Lời hiệu triệu của các Ủy ban hành động”, báo “Lao động”... được phổ biến khá rộng rãi trong các đồn điền cao su. Qua đó, đã tập hợp rất nhiều trí thức, kể cả một số cai, xu, tiên bộ trong các sở cao su tham ra phong trào cách mạng

Thời gian này, nhiều tổ chức quần chúng công khai và bán công khai được phát triển nhanh khắp các đồn điền cao su như: Hội ái hữu, tương tế, v.v.. nhằm để đoàn kết và bảo vệ quyền lợi công nhân

Vào năm 1936, ở Suối Tre có ông Nguyễn Văn Bát, dân công tra khi nói chuyện với bà con công nhân, ông có thái độ rất chân tình, cởi mở, ông tổ chức ra hội đá banh, cử anh Trần Văn Kiều làm chủ hội.

Ngày 15-9-1936, Chính phủ Pháp đã ra lệnh giải tán các Ủy ban hành động, cấm tất cả các cuộc hội họp của nhân dân, bắt và xét những người đứng đầu các Ủy ban hành động, tịch thu các báo cổ động cho Đại hội Đông Dương. Bọn thực dân ở thuộc địa được lệnh của Mu-Tê, Bộ trưởng Bộ thuộc địa, cho phép dùng mọi biện pháp đích đáng như truy nã, đàn áp để chặn đứng cuộc vận động.

Trước tình hình đó, các Đồng chí tổ chức hội “Những người công nhân nghèo” để tiếp tục cuộc vận động cách mạng trong công nhân cao su.

Ngày 1-1-1939, toàn thể công nhân các đồn điền cao su Biên Hòa đã bãi công đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống, đòi thả những người bị bắt, không được đuổi thợ vô cơ v.v..

Ngày 14-7-1939, hàng ngàn công nhân ở 3 sở Láng Lớn, Xà Bang Nam, Xà Bang Bắc, dưới sự lãnh đạo của các Chi bộ Đảng đã bãi công, biểu tình phản đối chủ và xu cai đánh đập cúp phạt vô cơ và uống ký ninh nước khi đau ốm. Trong cuộc đấu tranh này, tên thanh tra lao động Nam kỳ đã phải đến tận chỗ giải quyết yêu cầu của cuộc đấu tranh.



Công nhân Biên Hòa bãi công năm 1934

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới bùng nổ. Thúc dân Pháp chủ trương “tập trung lực lượng đánh vào Đảng Cộng sản một cách toàn diện và mau lẹ”, để rảnh tay đối phó với Đức. Mặt khác, tăng cường bóc lột, khoét đẽo nhân dân ta nặng nề hơn lúc nào hết, để chuẩn bị chiến tranh. Tháng 5-1940 Pháp đầu hàng phát xít Đức. Ngày 22-9-1940, Nhật đưa 600 quân lính chiếm Lạng Sơn, mở đầu sự xung đột Pháp - Nhật, tình thế Đông Dương bước sang một khúc ngoặt mới.

ngày 23-11-1940, khởi nghĩa Nam kỳ nổ ra ở một số địa phương. Do thời cơ cách mạng chưa chín mùi, nên khởi nghĩa Nam kỳ bị chìm trong biển máu. Nhiều nơi địch khủng bố rất ác liệt, phong trào lắng xuống, tổ chức tan vỡ. Cán bộ một số lớn bị bắt, bị đày, một số phải chuyển vùng lánh đi nơi khác. Trong lúc đó các đồn điền cao su Biên Hòa phong trào cách mạng tiếp tục phát triển. Được sự bảo vệ của công nhân, đây là nơi ẩn náu tốt và là chỗ rất thuận lợi cho cán bộ lánh vào tiếp tục hoạt động.

Cuối năm 1940, đồng chí Hồ Văn Đại (Sáu Đại) đã về làng Cáp Rang (sở An Lộc), Đồng chí Nguyễn Văn Long về sở Dầu Giây, Bình Lộc và một số Đồng chí nữa cũng về các sở Cuộc-tơ-nay, Cam Tiêm, Hàng Gòn, Túc Trung, Cây Gáo... hoạt động, xây dựng và phải triển cơ sở cách mạng trong phong trào công nhân cao su.

Dưới sự lãnh đạo của các đồng chí Đảng viên Cộng sản, trực tiếp là Đồng chí Nguyễn Văn Bát và Đồng chí Lê Quy, tháng 9-1940 ở làng Suối Tre, An Lộc hơn 400 công nhân đình công đấu tranh chống việc khoán đào rễ cây đơn hùng tin quá nặng, chủ sở Đờ-vô-lăng đã kêu cứu hiến binh Xuân Lộc vào đàn áp, bắt đi tù 40 người, đồng chí Bát và Đồng chí Quy chúng đày đi Côn Đảo.

Tháng 12-1940 hàng ngàn công nhân sở Dầu Giây, An Lộc, Bình Lộc, Túc Trung, Cây Gáo..., đồng loạt đấu tranh đòi chủ sở không được đánh đập, cúp phạt công nhân, phải thực hiện đúng giao kèo, trả công nhân mãn hạn về xứ, không được phát gạo mứt, cá thối...

Ngày 29-12-1940, hơn 2.000 công nhân ở các sở Cuộc-tơ-nay, Cam Tiêm tiếp tục đình công, đấu tranh đòi ngày làm 8 giờ, được nghỉ ngày chủ nhật, hủy bỏ chế độ là “cỏ vè” chiều thứ bảy hàng tuần. Thực đàn Pháp điều 1 trung đội lính do tên thanh tra Công ty Đất Đỏ mà công nhân quen gọi là “Tây đậu Đỏ” dẫn xuống đàn áp. Chúng xả súng bắn vào đoàn người công nhân trong tay không tác sát, làm chết, bị thương và bắt đi hơn 100 người. Chủ sở Cam Tiêm không giải quyết yêu sách, công nhân liên tục kéo về An Lộc (trung tâm Công ty SIPH) đấu tranh đòi chủ Công ty giải quyết. Trước khí thế đấu tranh quyết liệt và đoàn kết chặt chẽ của công nhân, bọn chủ Tây phải nhân nhượng, giải quyết một số yêu sách cho công nhân.

Năm 1941, ở sở Cuộc-tơ-nay, nhân việc tên xu Lu đánh chết anh công nhân cạo số 70 ở Láng lớn, những cán bộ cách mạng đã làm bài thờ khêu gọi căm thù bọn chủ xếp tàn nhẫn và kêu gọi công nhân đoàn kết đấu tranh :

“Ồ này anh em ta ơi ! này anh em ta ơi !

Cớ làm sao ta lại phải buồn lo

Anh 70 chết không phải chỉ do xu Lu đánh

Mà chẳng phải do ở ông trời